

Số: 176/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Lạt, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84
Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2025/TLST-
VHNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn, nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Ông **Nguyễn Tràng C**, Sinh năm: 1982.

Hộ khẩu thường trú: Đội 11, Xã Tả T, Huyện T, Thành Phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 120/29/17A7 T, Phường D, Quận P, Thành Phố Hồ Chí
Minh.

- *Người yêu cầu*: Bà **Lê Thị Mỹ H**, Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 71 (Số cũ 9/114) đường H, Phường T, Thành Phố Đ, Tỉnh Lâm
Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tràng C và bà Lê Thị Mỹ H xây
dựng gia đình với nhau năm 2019, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ
cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Đ, tỉnh
Lâm Đồng. Sau khi kết hôn ông Nguyễn Tràng C và bà Lê Thị Mỹ H sống được
khoảng 02 năm tại nhà bố mẹ bà H địa chỉ số 71 (Số cũ 9/114) đường H,
Phường T, Thành Phố Đ, Tỉnh Lâm Đồng. Đến tháng 5/2021 ông C chuyển về
Thành Phố Hồ Chí Minh để làm việc còn bà H sống tại Đ. Từ đó, vợ chồng phát
sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống
nên thường xuyên cãi vã, không còn tôn trọng nhau, nhiều lần ông C và bà H đã
ngồi lại với nhau để tìm hướng giải quyết với mong muốn hàn gắn tình cảm
nhưng không được. Cả hai sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nay ông C
và bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh
phúc nên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận

thuận tình ly hôn của ông C và bà H. Xét thấy, yêu cầu của ông C và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Trùng C và bà Lê Thị Mỹ H.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Trùng C và bà Lê Thị Mỹ H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Lê Thanh M, sinh ngày 20/01/2019 cho bà Hạnh có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Trùng C cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng (*Bốn triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 6/2025 đến khi con thành niên.

Xét thấy, sự thỏa thuận của ông C và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông C và bà H.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trùng C và bà Lê Thị Mỹ H cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trùng C và bà Lê Thị Mỹ H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Trùng C và bà Lê Thị Mỹ H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Trùng C và bà Lê Thị Mỹ H thống nhất thỏa thuận giao con chung Nguyễn Lê Thanh M, sinh ngày 20/01/2019 cho bà Lê Thị Mỹ H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai thống nhất thỏa thuận ông C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đ/tháng (*Bốn triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2025 đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Nguyễn Tràng C và bà Lê Thị Mỹ H cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Tràng C và bà Lê Thị Mỹ H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông C và bà H đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002101 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Ông Nguyễn Tràng C và bà Lê Thị Mỹ H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Minh Hoà